

Bình thở khí nén Dräger Phụ kiện dành cho thiết bị thở

Được thiết kế với công nghệ hàng đầu và vật liệu tiên tiến, bạn có thể sử dụng bình khí Dräger của chúng tôi trong bất kỳ ứng dụng nào cần thiết bị bảo vệ hô hấp. Chúng tôi cung cấp nhiều loại, từ bình làm bằng sợi cacbon đến vật liệu thép. Bạn sẽ nhận được rất nhiều lợi ích từ trọng lượng nhẹ và tuổi thọ hoạt động không giới hạn (NLL) của các sản phẩm.

Bình khí Dräger NANO (NLL), loại 4

Lớp phủ ngoài epoxy với sơn màu vàng hoặc đen nguyên bản

Lớp lót PET siêu nhẹ

Ống nano carbon/Graphene

Nắp cao su đỉnh và đáy

Van dạng thẳng có van an toàn (chỉ với EFV)

Tùy chọn RFID ở cổ hoặc van



Bình thở khí nén Dräger

Bình khí bằng sợi carbon Dräger, loại 3



Lợi ích

Bình khí Dräger NANO (NLL), loại 4

Bình khí bằng sợi carbon Dräger NANO loại 4 được thiết kế đặc biệt để giảm thiểu trọng lượng mà người sử dụng phải mang trong các hoạt động chữa cháy nguy hiểm. Nhờ đó làm giảm mệt mỏi và tăng cường sự nhanh nhẹn cho bạn. Hiện tại đây là một trong những bình khí nhẹ nhất trên thị trường với trọng lượng vỏ 2,8 kg (6,8 lít không khí/300 bar bao gồm cả nắp chống va đập). Được thiết kế với lớp lót PET và công nghệ ống nano carbon, sản phẩm này giúp giảm trọng lượng hơn 47% khi so sánh với bình thép loại 1. Được trang bị bình khí nhẹ hơn, bạn cũng được hưởng lợi với thời gian tiêu thụ không khí dài hơn và tăng lượng khí cung cấp nếu sử dụng tùy chọn hai bình khí. Sự kết hợp của vật liệu bình khí nhẹ chắc chắn với nắp chống va đập đảm bảo độ bền cao và chắc chắn.

Bình khí bằng sợi carbon Dräger, loại 3

Bình khí bằng sợi cacbon loại 3 của chúng tôi có lớp lót bằng nhôm liên mạch, được bọc bằng sợi carbon với lớp bên ngoài bằng sợi thủy tinh mang lại một lớp hoàn thiện bằng nhựa mịn. Đây cũng là lý do giúp bình khí trở nên nhẹ, dễ làm sạch và chống va đập, chịu hóa chất và mài mòn. Do đó, bạn sẽ giảm được 33% trọng lượng bình khí mang so với các bình khí bằng thép loại 1 thông thường. Ngoài ra, bình khí được sản xuất và kiểm tra theo quy trình công nghệ tiên tiến.

Bình thép Dräger (NLL) loại 1

Ngoài ra, Dräger cung cấp nhiều loại bình khí bằng thép phù hợp với nhiều ứng dụng có chi phí thấp như ngành hàng hải, tuy nhiên vẫn luôn đảm bảo tiêu chuẩn ứng dụng cao.

Vệ sinh nhanh chóng và dễ dàng

Bình khí Dräger thích hợp cho cả việc vệ sinh bằng máy và thủ công bằng cách sử dụng chất làm sạch tiêu chuẩn. Điều này sẽ giúp giảm đáng kể việc bạn phải tiếp xúc với chất gây ung thư và các chất độc khác sau một nhiệm vụ.

Tùy chỉnh theo yêu cầu thiết kế của bạn

Khi bạn đặt mua bình khí Dräger, chúng tôi sẽ điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu thiết kế cụ thể của bạn: sử dụng logo, nhãn và màu sắc theo yêu cầu. Việc tùy chỉnh bình khí giúp bạn phân bổ và quản lý thiết bị của mình dễ dàng hơn.

Hiệu suất tuổi thọ

Tùy thuộc vào số lần nạp khí và vật liệu, bình khí của chúng tôi có tuổi thọ thiết kế trong 20, 30 năm và không giới hạn (NLL). Các bình khí có tuổi thọ không giới hạn có thể được sử dụng vô thời hạn khi thực hiện bảo dưỡng thích hợp và kiểm tra định kỳ. Đây là khoản đầu tư không chỉ mang lại cho bạn sự an tâm khi xảy ra sự cố mà còn giảm chi phí sở hữu về lâu dài.

Lợi ích

Luôn quan tâm đến sự an toàn của bạn

Chúng tôi cung cấp van an toàn (EFV) để ngăn chặn dòng khí thoát ra ngoài không kiểm soát được trong trường hợp vô ý mở hoặc hỏng van bình khí. Tính năng này cho phép bạn sử dụng hoặc không sử dụng van an toàn mà không cản trở hoạt động của thiết bị. Ngoài ra, được phê duyệt theo tiêu chuẩn EN 144-2018, van cung cấp khả năng chịu được các tác động mạnh hơn trong khi vẫn đảm bảo đầy đủ chức năng. Nhờ công nghệ Quick Connect của Dräger, bạn có thể thay bình khí mà không cần xoay núm vặn bằng tay. Điều này giúp bạn tiết kiệm thời gian và đảm bảo đầu nối an toàn giữa bình khí và thiết bị thở.

Thông tin chi tiết



D-35723-2021

Van dạng thẳng (với van an toàn), theo tiêu chuẩn EN144-2005



D-36428-2021

Van góc phải (với van an toàn), theo tiêu chuẩn EN144-2018



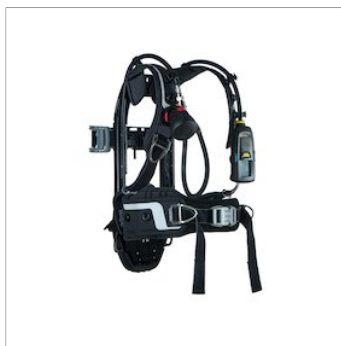
D-36437-2021

Van dạng thẳng có đồng hồ chỉ báo (với van an toàn), theo tiêu chuẩn EN144-2018

Sơ lược về bình thở khí nén Dräger

| | Loại 1 Bình khí Dräger bằng thép 6 lít/300 bar | Loại 3 Bình khí bằng sợi carbon Dräger 6,8 lít/300 bar | Loại 4 Bình khí Dräger NANO 6,8 lít/300 bar |
|---------------------------------------|---|---|---|
| Ứng dụng | Tất cả các ứng dụng chữa cháy | Tất cả các ứng dụng chữa cháy | Tất cả các ứng dụng chữa cháy |
| Dễ sử dụng | 1/5 | 4/5 | 5/5 |
| Trọng lượng | Trọng lượng nặng hơn do làm bằng vật liệu thép | Nhẹ hơn 33% so với bình khí loại 1 | Nhẹ hơn 47% so với bình khí loại 1 |
| Tùy chọn sử dụng hai bình khí | Không khuyến nghị | Tốt | Rất tốt |
| Dễ bảo dưỡng | 5/5 | 4/5 | 5/5 |
| Tuổi thọ theo thiết kế | không giới hạn | 20 hoặc 30 năm | không giới hạn |
| Vệ sinh | Được phê duyệt sử dụng cho các hình thức vệ sinh bằng máy | Được phê duyệt sử dụng cho các hình thức vệ sinh bằng máy | Được phê duyệt sử dụng cho các hình thức vệ sinh bằng máy |
| An toàn+ | 5/5 | 5/5 | 5/5 |
| Quay vòng dùng liên tục ở hiện trường | Nạp nhanh và khớp nối nhanh | Nạp nhanh và khớp nối nhanh | Nạp nhanh và khớp nối nhanh |
| Van an toàn (EFV) | tùy chọn | tùy chọn | chỉ có EFV |

Các thành phần hệ thống



D-0915-2019

Thiết bị thở Dräger PSS® AirBoss

Thiết bị thở Dräger PSS® AirBoss có thiết kế tiện dụng nhất và là một trong những thiết bị thở có trọng lượng nhẹ nhất dành cho việc cứu hỏa. Kinh nghiệm thực tế từ các nhân viên cứu hỏa trên khắp thế giới cùng với những cải tiến công nghệ mới nhất đã giúp chúng tôi thiết kế hệ thống SCBA sạch hơn và an toàn hơn để người sử dụng thở dễ dàng hơn và lâu hơn.

Các thành phần hệ thống



D-38071-2015

Dräger PSS 4000

Thiết bị thở Dräger PSS 4000 là một trong những thiết bị thở chuyên dụng, độc lập và nhẹ nhất dành cho lính cứu hỏa. Kết hợp giữa sự thoải mái và hiệu quả cao về áp suất, thiết bị SCBA được thiết kế cho nhiều ứng dụng nơi đặt sự đơn giản và dễ sử dụng lên hàng đầu. Với trọng lượng nhẹ nhưng mạnh mẽ và dễ đeo, PSS 4000 bảo vệ quá trình hô hấp một cách vượt trội.



D-7469-2010

Dräger PSS 3000

Dräger PSS 3000 là thiết bị thở cách ly hiệu suất cao dành cho lính cứu hỏa. Kết hợp giữa sự thoải mái và hiệu quả cao về áp suất, thiết bị được thiết kế dành cho nhiều ứng dụng nơi yêu sự đơn giản và dễ sử dụng được đặt lên hàng đầu. Với trọng lượng nhẹ nhưng mạnh mẽ và dễ đeo, thiết bị thở cách ly tiên tiến này giúp bảo vệ quá trình hô hấp một cách tối đa.



D-39880-2011

Thiết bị thở cách ly Dräger PAS® Lite

Để sử dụng trong các ứng dụng công nghiệp nơi cần có thiết bị thở đơn giản, mạnh mẽ và dễ sử dụng, Thiết bị Thở Độc lập Dräger PAS® Lite (SCBA) là sự kết hợp giữa sự tin cậy, tính thuận tiện và hiệu quả cao cùng tuổi thọ tuyệt vời và dễ bảo dưỡng.

Phụ kiện

ST-6165-2007



Khớp nối nhanh

Hai bình khí chuyên dụng với khung đeo và dây đai thuận tiện cho phép đấu nối hai bình thành một bộ thiết bị duy nhất. Bình khí có chiều cao thấp cho phép người sử dụng đeo thiết bị thở trong các không gian hạn chế mà không cần phải tháo ra.

D-37970-2021



Hệ thống sử dụng hai bình khí

Dräger cung cấp hệ thống sử dụng bình khí cho các hoạt động trong thời gian dài (EDBA) với thể tích 6,8 lít /300 bar. Hệ thống này được sử dụng kết hợp với một tấm lưng dành riêng cho hai bình khí.

ST-1275-2.008 D-35753-2021



Túi bọc bảo vệ bình khí

Có sẵn các loại túi bọc bình khí chống cháy:

- Dräger Protex, loại 6.0 và 6.8 lít (màu xanh dương)
- PVC 6.8 lít, 8.0 lít và 9.0 lít (xanh dương, các màu khác theo ứng dụng)
- Nomex 6.8 lít, 8.0 lít và 9.0 lít (xanh dương, đen và đỏ, các màu khác theo ứng dụng)

Dữ liệu kỹ thuật

Bình khí Dräger NANO, loại 4

| | | | |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Dung tích nước (lít) | 6.0 lít | 6.8 lít | 9.0 lít |
| Áp suất hoạt động (bar) | 300 | 300 | 300 |
| Dung tích khí tự do (lít) | 1620 | 1836 | 2430 |
| Thời lượng làm việc (phút) ** | 41 | 46 | 61 |
| Thời lượng danh định (phút) ** | 32 | 37 | 49 |
| Ren | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 |
| Chứng nhận | EN 12245:2009 | EN 12245:2009 | EN 12245:2009 |
| Áp suất hoạt động (bar) | 300 | 300 | 300 |
| Tuổi thọ thiết kế (năm) | Tuổi thọ không giới hạn | Tuổi thọ không giới hạn | Tuổi thọ không giới hạn |
| Trọng lượng vỏ (kg) (đã sơn / nguyên bản) | 2.8 / 2.6 | 3.1 / 2.8 | 3.9 / 3.75 |
| Trọng lượng bình khí rỗng đã lắp van (kg)* | 3.31 / 3.11 | 3.61 / 3.31 | 4.41 / 4.26 |
| Trọng lượng bình khí sau khi nạp đầy và lắp van (kg)* | 5.29 / 5.09 | 5.85 / 5.55 | 7.37 / 7.22 |

* Trọng lượng bao gồm cả nắp trên và dưới

** dựa trên tốc độ thở 40 lít mỗi phút

Bình khí bằng sợi carbon Dräger, loại 3

| | | | | |
|---|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Dung tích nước (lít) | 6.0 lít | 6.8 lít | 9.0 lít | 8.0 lít |
| Áp suất hoạt động (bar) | 300 | 300 | 300 | 300 |
| Dung tích khí tự do (lít) | 1620 | 1836 | 2430 | 2160 |
| Thời lượng làm việc (phút)** | 41 | 46 | 61 | 54 |
| Thời lượng danh định (phút)** | 32 | 37 | 49 | 44 |
| Ren | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 |
| Chứng nhận | EN 12245:2009 | EN 12245:2009 | EN 12245:2009 | EN 12245:2009 |
| Tuổi thọ thiết kế (năm) | 20 | 20/30 | 20 | 30 |
| Trọng lượng vỏ (kg) | 3.74 | 4.33 | 5.50 | 5.55 |
| Trọng lượng bình khí rỗng đã lắp van (kg)* | 4.25 | 4.84 | 6.01 | 6.06 |
| Trọng lượng bình khí sau khi nạp đầy và lắp van (kg)* | 6.23 | 7.08 | 8.97 | 8.71 |

* dựa trên van

** dựa trên tốc độ thở 40 lít mỗi phút

Bình khí thép Dräger, loại 1

| | | |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Dung tích nước (lít) | 6.0 lít | 6.0 lít |
| Áp suất hoạt động (bar) | 300 | 200 |
| Dung tích khí tự do (lít) | 1620 | 1200 |
| Thời lượng làm việc (phút) ** | 41 | 30 |
| Thời lượng danh định (phút) ** | 32 | 24 |
| Ren | M18 x 1.5 | M18 x 1.5 |
| Chứng nhận | ISO 9809 | ISO 9809 |
| Tuổi thọ thiết kế (năm) | Tuổi thọ không giới hạn | Tuổi thọ không giới hạn |
| Trọng lượng vỏ (kg) | 6.00 | 7.10 |
| Trọng lượng bình khí rỗng đã lắp van (kg)* | 6.51 | 7.61 |
| Trọng lượng bình khí sau khi nạp đầy và lắp van (kg)* | 7.96 | 9.58 |

Dữ liệu kỹ thuật

* Dựa trên Van V11111 IL EFV

** dựa trên tốc độ thở 40 lít mỗi phút

Thông tin đặt hàng

| Bình thở khí nén Dräger | Kích thước bình khí | Mã số bộ phận |
|---|--|---------------|
| Bình khí Dräger NANO, loại 4 | 6.0 lít 300 bar | 3712915 |
| | 6.8 lít 300 bar | 3712916 |
| | 9.0 lít 300 bar | 3712917 |
| Bình khí bằng sợi carbon Dräger, loại 3 | 6.0 lít 300 bar | 3353732 |
| | 6.8 lít 300 bar | 3353733 |
| | 8.0 lít 300 bar | 3359190 |
| | 9.0 lít 300 bar | 3353734 |
| Bình khí thép Dräger, loại 1 | 6.0 lít 200 bar | 3353735 |
| | 6.0 lít 300 bar | 3355002 |
| Cấu hình cung cấp các tùy chọn về: | | |
| Lựa chọn nhãn và ngôn ngữ IFU | Đã nạp đầy hoặc rỗng | |
| Ghi nhãn tùy chỉnh | RFID | |
| Van cung cấp các tùy chọn: | | |
| Một chiều, góc phải / dòng chảy chéo | Có hoặc không có van an toàn | |
| Có hoặc không có nút vận an toàn | Có hoặc không có chỉ báo đồng hồ áp suất | |
| EN144: 2005 hoặc EN144: 2018 | | |
| Phụ kiện | Mã đặt hàng | |
| Vỏ bình khí, Dräger Protex, PVC và Nomex | theo yêu cầu | |

Lưu ý

Không phải mọi sản phẩm, tính năng hoặc dịch vụ đều được bán và cung cấp ở tất cả các quốc gia. Các thương hiệu đã đề cập chỉ được đăng ký tại một số quốc gia nhất định và không nhất thiết phải là tại quốc gia mà tài liệu này được công bố. Hãy truy cập www.draeger.com/trademarks để xem trạng thái hiện tại.

CORPORATE HEADQUARTERS
Draegerwerk AG & Co. KGaA
Moislinger Allee 53–55
23558 Lübeck, Germany
www.draeger.com

VIỆT NAM
Công ty TNHH Draeger Việt Nam
41 – 43 Nguyễn Cơ Thạch,
Phường An Lợi Đông, Quận 2,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (+84) 28 7300 2518
Fax: (+84) 28 6258 3686
contact.vn@draeger.com

Văn phòng Hà Nội
Phòng 488 Lầu 4, Tòa nhà HITC,
239 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy,
Hà Nội
Điện thoại +84 24 3795 5626
Fax +84 24 3795 5627
contact.vn@draeger.com

Xác định vị trí Đại diện Bán
hàng khu vực của bạn tại:
www.draeger.com/contact

